

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Thành Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lan Phương
2. Ông Nguyễn Trung Thành

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Lãng – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:***

Ông Hoàng Minh Đoàn – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐST - DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị VTL, sinh năm 1991, có mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Anh TMQ, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn TK, xã Đ, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN;**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 05 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị VTL trình bày:

Chị và anh TMQ kết hôn với nhau ngày 02 tháng 03 năm 2012, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh

phúc. Từ khoảng tháng 12 năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân khi chị sinh con được khoảng một tuần thì anh Q có biểu hiện của người nghiện ma túy, từ đó vợ chồng thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn và hay đánh cãi chửi nhau. Anh Q đi làm nhưng không có tiền nuôi con mà chỉ dùng vào việc mua ma túy sử dụng. Năm 2015 chị đem con về nhà mẹ đẻ tại huyện V sinh sống và vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Khoảng thời gian này anh Q không quan tâm gì đến hai mẹ con chị mà còn thường nhấn tin chửi bới, xúc phạm chị. Chị xác định tình cảm với anh Q không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TCL, sinh ngày 30/12/2012, hiện nay cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là anh TMQ trong quá trình giải quyết vụ án vắng mặt do đang bị tạm giam để chờ xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nhưng trong bản tự khai ngày 28/06/2017 trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, thời gian chung sống, thời gian sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Nhưng anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do quan điểm và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Anh Q cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, ly hôn anh cũng đồng ý để chị L được nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q vắng mặt, tại phiên Tòa hôm nay anh Q cũng vắng mặt nhưng ngày 28/6/2017 anh Q đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; đề nghị giải quyết cho chị L và anh Q được ly hôn; về con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; các vấn đề về tài sản, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị VTL và anh TMQ là cuộc hôn nhân tiền bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012. Tuy nhiên cũng từ cuối năm 2012, khi chị L sinh con thì vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do tính cách vợ chồng không hợp nhau, phần còn lại là do anh Q có những biểu hiện không chuẩn mực trong cuộc sống, chị L nghi ngờ anh quyết nghị ma túy, không chịu khó lao động kiếm tiền để nuôi vợ con, thậm chí hiện nay còn đang bị tạm giam chờ xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, chị L đem con về sinh sống với bố mẹ đẻ tại huyện V từ năm 2015 và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận không còn tình cảm với nhau và thỏa thuận xin được ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, việc các đương sự thỏa thuận xin ly hôn là phù hợp với thực tế và pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TCL, sinh ngày 30/12/2012, hiện nay đang sống cùng chị L. Xét việc hiện nay anh Q đang bị tạm giam và có thể phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định, cháu CL lại còn nhỏ, sinh sống với mẹ từ bé nên việc chị L và anh Q thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu CL được Hội đồng xét xử chấp nhận, cũng chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Q phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đương sự xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị VTL và anh TMQ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu TCL, sinh ngày 30/12/2012 cho chị VTL trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh TMQ không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh Q có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị VTL phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001263 ngày 08/06/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã ( thị trấn ) nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- UBND xã Đ
- Các đ-ơng sự
- L- u hai bản.

**Đỗ Thành Công**